

Bản án số: 79/2023/HS-PT

Ngày: 22-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 821/2022/TLPT-HS ngày 02/11/2022. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 439/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Trần Anh D**; giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: 43 đường Trần Bá Giao, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Căn hộ 10A1 và căn hộ 11B3 chung cư Kim Tân Hải, Tổ 36, Khu phố 3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên lễ tân; con ông Nguyễn Trần A (chết) và bà Hồ Thị N (sinh năm 1958); hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt, tạm giam: 06/5/2021; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị B – Luật sư của Văn phòng luật sư Long Cường thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Ngọc O – Luật sư của Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc O thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh D nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 06/5/2021, tại trước nhà số C3/33 ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an huyện Bình Chánh phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an quận Tân Phú, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Bộ Công an, Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 3, Cảnh sát biển phát hiện bắt quả tang Trịnh Ngọc D1 và Vũ Thị Xuân T có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Lực lượng công an đã thu giữ vật chứng liên quan như sau:

-Trên yên xe máy biển số 59D3-001.27 do D1 điều khiển chở T, ở khoảng giữa vị trí D1 và T ngồi có: 01 túi giấy màu đen, bên ngoài có chữ COUPLE TX, bên trong có 01 hộp giấy đựng 01 gói nylon dạng túi trà màu xanh có ghi chữ TIE GUAN YIN, bên ngoài quấn một lớp băng keo, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu; 01 gói nylon dạng túi trà màu xanh ghi chữ TEA CULTURE, bên ngoài được quấn một lớp băng keo bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu. Qua kết quả giám định, tinh thể không màu đã đề cập là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1.877,78g, loại Ketamine. D1 và T khai đã nhận gói ma túy vừa nêu từ Nguyễn Trần Anh D, mang đi giao cho em của D1 là Trịnh Thị Kim L.

-01 điện thoại di động hiệu Iphone của T;

-01 điện thoại di động hiệu Samsung của D1;

-01 xe máy hiệu Honda mang biển số 59D3-00127.

Mở rộng điều tra, vào lúc 04 giờ 50 phút ngày 07/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Bình Chánh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trần Anh D tại căn hộ 11B3 chung cư Kim Tâm Hải, địa chỉ số 27 đường Trường Chinh, Khu phố 3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ được tại đây:

-08 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 583,91g, loại Ketamine;

-03 gói nylon dạng túi trà màu xanh ghi chữ TIE GUAN YIN, bên ngoài được quấn 1 lớp băng keo, bên trong mỗi gói có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 2.910,89g, loại Ketamine;

-01 điện thoại di động hiệu Iphone kèm 01 sim;

-01 cân điện tử;

-01 máy ép nylon;

-01 cây kéo.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Bình Chánh ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Trần Anh D và Trịnh Thị Kim L để điều tra về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Trần Anh D khai: Vào khoảng tháng 9/2020, D quen biết với một người không rõ lai lịch, có tên gọi là M. M đề nghị D cất giữ ma túy của M để giao cho khách của M, M sẽ trả tiền công cho D. D đồng ý. Theo sự hướng dẫn của M, D đã thuê căn hộ 10A1 và căn hộ 11B3 chung cư Kim Tâm Hải, địa chỉ số 27 đường Trường Chinh, Khu phố 3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 để ở và làm nơi chứa ma túy cho M. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19, M không nhập ma túy từ Campuchia về được. Do vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 5/2021, mỗi tháng M gửi cho D 30.000.000đ để làm chi phí sinh hoạt trả tiền thuê căn hộ. Ngày 06/5/2021, M liên lạc với D và nói sẽ có người giao ma túy cho D cất giữ để bán ma túy cho khách theo sự hướng dẫn của M; M sẽ trả công cho D 70.000.000đ/tháng. Đến trưa cùng ngày, có người gọi điện thoại cho D, bảo D xuống cổng chung cư để nhận ma túy. Lúc này, do đang bận công việc nên D nhờ bạn của D là Dương Vĩnh Đ (sinh năm 1988; đăng ký thường trú tại: 729 Ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) đang chơi tại nhà D đi nhận giúp. Tuy nhiên, D chỉ nói với Đ là nhận hàng mỹ phẩm. Sau khi nhận 01 túi giấy màu đen có chứa 01 hộp giấy carton, Đạt mang lên phòng 11B3 đưa cho D rồi đi về phòng 10A1. Khi còn lại một mình trong phòng 11B3, D mở hộp giấy ra xem thì thấy bên trong có 05 gói ma túy dạng túi trà màu xanh được quấn băng keo bên ngoài và 08 gói nylon chứa tinh thể không màu. D cất số ma túy đã nêu vào trong két sắt. Một lúc sau, M điện thoại bảo D chuẩn bị 02 gói ma túy dạng túi trà màu xanh mang đi giao cho khách, M sẽ cho người mua ma túy số điện thoại của D để liên lạc. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, có một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0866505732 điện vào số điện thoại 0933507270 của D, D hướng dẫn người này đến chung cư Kim Tâm Hải gặp D nhận ma túy. Sau đó, D lấy 02 gói ma túy cất vào trong hộp giấy carton, rồi bỏ vào trong túi giấy màu đen có quai xách và nhờ Đ cầm xuống cổng chung cư để giao cho khách. D cũng chỉ nói cho Đ biết là giao mỹ phẩm và đưa điện thoại của D cho Đạt để làm phương tiện liên lạc với người nhận ma túy. Đ cầm túi giấy đi xuống chung cư giao giúp cho D rồi về lại phòng 10A1 gặp D. Cả hai ngồi chơi đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an đến khám xét, bắt giữ và thu giữ số ma túy còn lại chưa bán được.

L khai: L quen biết với một người đàn ông không rõ lai lịch có tên gọi là Hai T1 ở Campuchia và có vay của T1 300.000.000đ để làm ăn. Do làm ăn thua lỗ, L không có khả năng trả nợ nên T1 bảo L tham gia mua bán ma túy cùng với T1 để trừ nợ. L đồng ý. Cụ thể, T1 sẽ bán ma túy Ketamine cho L với giá 250.000.000đ/kg để L bán lại cho người khác hưởng tiền chênh lệch; nếu L bán được 01kg Ketamine thì T1 sẽ trừ 20.000.000đ vào khoản nợ của L. L đã 02 lần mua ma túy của T1 để bán cho khách, cụ thể như sau:

-Lần thứ nhất: Đầu tháng 4/2021, L mua của T1 200g Ketamine với giá 50.000.000đ để bán cho 01 đối tượng tên L1 (không rõ lai lịch) với giá 54.000.000đ. Lần này, L nhờ Vũ Thị Xuân T đi nhận ma túy và giao cho L1; L trả công cho T 3.000.000đ.

-Lần thứ hai: Ngày 05/5/2021, L1 gọi điện cho L hỏi mua 02kg Ketamine, L đồng ý bán với giá 560.000.000đ/2kg và hẹn khi nào có “hàng” thì sẽ báo cho L1. Sau đó, L gọi điện cho T1 để hỏi mua 02kg Ketamine với giá 500.000.000đ. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/5/2021, T1 điện thoại báo cho L là đã có ma túy; đồng thời, T1 cho L số điện thoại của D để L liên lạc với D nhận ma túy. Lúc này, L liên lạc với T và cho T số điện thoại của D; L nhờ T liên lạc với D để nhận ma túy, T đồng ý. Khi T cùng với D1 nhận được ma túy từ D và trên đường mang về giao cho L thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Đ, T và D1 khai phù hợp với lời khai của D và L.

Ngoài ra, T và D1 còn khai nhận rằng: T và D1 sống với nhau như vợ chồng tại nhà không số, Tổ 14, Ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với em gái D1 là L, quá trình sống chung, T và D1 có biết L mua bán ma túy và đã 02 lần giúp L mua bán ma túy, cụ thể như sau:

-Lần thứ nhất: Đầu tháng 4/2021, theo sự hướng dẫn của L, T đến chung cư trên đường Phan Huy Ích (không nhớ địa chỉ) gặp 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) nhận 01 gói quà rồi đến khu vực đường Số 6, quận Bình Tân giao cho người đàn ông không rõ lai lịch và được L trả công 3.000.000đ. Lần này, T không biết bên trong gói quà có chứa ma túy nhưng do cách thức giao dịch lén lút và thực hiện xong được L trả công 3.000.000đ nên T nghĩ gói hàng đã đi giao nhận giúp L là ma túy.

- Lần thứ hai: Chiều ngày 06/5/2021, khi T và D1 vừa đi công việc về thì L điện thoại cho T, nhờ T đi lấy ma túy giúp. T đồng ý. Lúc này, T sử dụng điện thoại của D1 gọi vào số điện thoại của người giao ma túy mà L đã cho T trước đó (sau này, D1 và T biết đó là D) để hỏi địa điểm nhận ma túy. D hẹn đến chung cư Kim Tâm Hải số 27 Trường Chinh, Khu phố 3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, D1 điều khiển xe máy mang biển số 59D3-001.27 chở T đến điểm hẹn. Trên đường đi, D có điện thoại lại 2-3 lần để hỏi đã đi đến đâu, D1 là người trực tiếp trả lời và trao đổi với D. Khi cả hai đến chung cư Kim Tâm Hải, có một người thanh niên (sau này, D1 và T nhận ra đó là Đ) đến và đưa cho T 01 túi giấy màu đen có chữ COUPLE TX, bên trong có 01 hộp carton chứa ma túy. Nhận được ma túy, T để trên yên xe giữa vị trí D1 và T ngồi để đem về giao cho L. Trên đường đi thì bị Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng là 1.877,78g loại Ketamine. T và D1 khai quá trình đi giao nhận ma túy, T và D1 chỉ biết bên trong túi giấy là ma túy, còn cụ thể loại ma túy gì, khối lượng là bao nhiêu thì T và D1 không biết; mọi việc giao dịch mua bán ma túy đều do L thực hiện.

Đối với Đ: Lời khai của Đ phù hợp với lời khai của D. Đ không biết việc D cất giấu và giúp M mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, qua xét nghiệm nhanh, Đ dương tính với chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Bình Chánh đã bàn giao Đ cho Công an thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh xử lý theo quy định.

Đối với các đối tượng M, T1 và L1: Do D và L khai không rõ về lai lịch các đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh không đủ cơ sở xác minh, truy bắt để xử lý.

Về vật chứng: Ngoài các vật chứng thu giữ đã được nêu, Cơ quan điều tra còn thu giữ của L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone; 01 điện thoại di động hiệu và Nokia và 01 sim cắt (L khai dùng để liên lạc gia đình, bạn bè và giao dịch mua bán ma túy).

Tại bản Cáo trạng số 306/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 13/6/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Anh D, Trịnh Thị Kim L, Trịnh Ngọc D1 và Vũ Thị Xuân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 439/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Căn cứ điểm e, khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trần Anh D** tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo T hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Trịnh Thị Kim L, Vũ Thị Xuân T, Trịnh Ngọc D1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022 bị cáo Nguyễn Trần Anh D có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trần Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, đơn kháng cáo trong hạn luật định. Về nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm đúng như Chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh D nhận thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ, đã xem xét đầy đủ các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo là luật sư Đỗ Ngọc O trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số ma túy của bị cáo khai của một người tên M không rõ lai lịch, việc mua bán ma túy là do M thực hiện, M chỉ lệnh cho bị cáo D đi giao nhưng D chưa giao được thì bị bắt nên hành vi chưa thực hiện được, tác

hại nguy hiểm cho xã hội là không đáng kể, đã được ngăn chặn kịp thời. Bị cáo thu lợi bất chính chưa nhiều. Khi khám xét nhà ở và các tài khoản của D thì không có tiền, không có tài sản. Về nhân thân, bị cáo có 2 đứa con ở với bà nội, cha bị cáo đã chết, mẹ già không có sức lao động. Bị cáo có trình độ học vấn 12/12 tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế về nhận thức pháp luật. Gia đình bị cáo có người có công với Cách mạng. Với những tình tiết trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo theo điểm e khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự, chuyển tội danh từ tội “Mua bán trái phép chất ma túy” sang tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội làm lại cuộc đời.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo là luật sư Nguyễn Thị B trình bày: Luật sư đồng ý với quan điểm của Luật sư O. Số tiền do người tên M gửi cho bị cáo D trong thời kỳ dịch bệnh đã nuôi sống bị cáo, giúp đỡ bị cáo qua thời điểm khó khăn. Bị cáo D cũng vì biết ơn M nên buộc phải trả ơn, không thể thoái thác việc cất giữ giùm ma túy cho M. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo trở về nuôi con nhỏ, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh D trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về hành tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mà chỉ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tuy nhiên lời khai của bị cáo không phù hợp với lời khai của các bị cáo khác cũng như không phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết luận vi động cơ vụ lợi các bị cáo Nguyễn Trần Anh D, Trịnh Thị Kim L, Trịnh Ngọc D1 và Vũ Thị Xuân T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Vào ngày 06/5/2021, L liên lạc qua điện thoại đặt mua 02kg Ketamine của một người tên T1 không rõ lai lịch với mục đích bán lại cho một người không rõ lai lịch có tên gọi là L1. T1 cho L số điện thoại của D để liên lạc nhận ma túy trực tiếp từ D. Sau đó, L nhờ T (người sống chung như vợ chồng với anh ruột của L là D1) đi nhận ma túy. T nói lại với D1 và cùng với D1 đi nhận ma túy. Sau khi liên lạc với D qua điện thoại, D1 điều khiển xe máy đi đến Chung cư Kim Tâm Hải, địa chỉ số 27 đường Trường Chinh, Khu phố 3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12. Khi đến nơi, D1 và T gặp Dương Vĩnh Đ, Đ giao cho D1

01 túi giấy màu đen có quai xách, bên trong có đựng ma túy. Trên đường mang ma túy về giao lại cho L thì D1 và T bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy đã đề cập, theo kết quả giám định xác định được là ma túy ở thể rắn có khối lượng là 1.877,78g, loại Ketamine. Khi tiến hành khám xét nơi ở của D, tại căn hộ 11B3 chung cư Kim Tâm Hải, địa chỉ số 27 đường Trường Chinh, Khu phố 3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng công an thu giữ được tại đây 3.494,80g (583,91g + 2.910,89g) Ketamine.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống ma túy, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ thì Ketamine là các chất ma túy.

Đ là bạn của D. Trong lúc Đ đến nơi ở của D ở Phòng 10A1 Chung cư Kim Tâm Hải để chơi thì D có nhờ Đ mang túi giấy có đựng ma túy giao cho D1 và T. Tuy nhiên, D không nói cho Đ biết và Đ cũng không biết bên trong túi giấy có đựng ma túy. Do vậy, không có cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ.

Nhận thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận D đồng ý cất giữ ma túy của đối tượng tên M rồi mang ma túy đi giao cho khách của M khi M có yêu cầu và được M trả công. Như vậy, bị cáo D đã biết đó là ma túy để M mua bán trái phép nhưng D vẫn đồng ý thực hiện việc giao bán ma túy cho khách của M.

Trong quá trình điều tra, L thừa nhận việc tham gia vào việc mua bán ma túy và nhờ T đi giao nhận ma túy; T cũng thừa nhận việc L đã nhờ T đi giao nhận ma túy 02 lần, trong đó có lần thứ nhất thì sau khi thực hiện thì T mới biết là ma túy. Lời khai của T và L là phù hợp với nhau về thời gian, cách thức giao nhận ma túy và các chứng cứ khác; các bị cáo không bị bức cung, nhục hình. Do vậy, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là đảm bảo tính khách quan, là chứng cứ giải quyết vụ án, có đủ căn cứ kết tội đối với D.

Áp dụng tinh thần tại tiểu mục 3.3 mục 3 Phần II Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP thì hành vi bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác hoặc tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác là hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Trần Anh D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan, không sai.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Với tính chất vụ án đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, bị cáo đã tham gia mua bán trái phép ma túy có khối lượng rất lớn. Bị cáo nhận thức rõ ma túy là chất độc có hại cho sức của con người, khi sử dụng sẽ bị lệ thuộc và nó tàn phá cơ thể con người, là nguyên nhân gây ra nhiều tác hại xã hội nghiêm trọng. Bị

cáo biết rõ hành vi tiếp tay cho những đối tượng mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích, động cơ tư lợi cá nhân, thu lợi bất chính. Cần phải xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Nguyễn Trần Anh D mua bán trái phép khối lượng ma túy đặc biệt lớn là 5.372,58g Ketamine, là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ đẻ là bà Hồ Thị Nam và ông ngoại là ông Hồ Sỹ Minh là người có công với Cách mạng, ông Minh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, bà Nam được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng Ba và Huân chương Chiến công Hạng Ba nên bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên các tình tiết này không tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ xử phạt bị cáo một mức án nhẹ hơn. Bởi lẽ, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt lên đến tử hình. Với 5.372,58g Ketamine là khối lượng ma túy cao gấp nhiều lần so với khối lượng ma túy quy định là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, do vậy căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt cao nhất đối với bị cáo để đảm bảo tính phòng ngừa chung như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có kháng cáo về tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới so với những tình tiết đã được cấp sơ thẩm áp dụng để làm căn cứ cho Hội đồng xét xử xem xét, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như lời bào chữa của các Luật sư. Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận lời trình bày của bị cáo và các Luật sư, bác toàn bộ kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh D. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 439/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Căn cứ điểm e, khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trần Anh D** tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Trần Anh D được quyền làm đơn gửi Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đề xin ân giảm án tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Bị cáo Nguyễn Trần Anh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh (2);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (1);
- Lưu HSVA(2). VP(5) 17b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Trần Văn Mười